

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 22



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Bách Thảo	Chủ tịch
Ông Daniel Yet	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thanh Giang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2011)
Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2011)
Bà Lê Thị Lệ Thủy	Thành viên
Bà Lê Thị Lài	Thành viên
Bà Phùng Hoàng Trâm Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Tín	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Lưu Bách Thảo	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Lài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Minh Giàu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Lưu Bách Thảo
Tổng Giám đốc
Ngày 6 tháng 4 năm 2012

Số: 1096/2012/Deloitte- AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt An**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Việt An (sau đây gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 22. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 6 tháng 4 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.619.181.526.105	1.140.476.725.205
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	69.425.885.005	25.881.431.297
1. Tiền	111		27.769.885.005	10.167.871.297
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.656.000.000	15.713.560.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	179.600.315.497	2.820.000.000
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		11.727.000.000	11.160.000.000
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		176.390.315.497	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(8.517.000.000)	(8.340.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		858.074.959.364	782.407.674.121
1. Phải thu khách hàng	131		668.212.493.648	554.582.563.023
2. Trả trước cho người bán	132		143.617.843.403	76.211.234.629
3. Các khoản phải thu khác	135		70.413.893.584	157.767.456.128
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(24.169.271.271)	(6.153.579.659)
IV. Hàng tồn kho	140	7	453.364.131.459	318.520.609.725
1. Hàng tồn kho	141		459.262.811.424	318.520.609.725
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.898.679.965)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		58.716.234.780	10.847.010.062
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.261.976.453	4.739.365.646
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		16.406.701.733	2.133.501.217
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		37.047.556.594	3.974.143.199
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		271.735.266.703	230.778.645.928
I. Tài sản cố định	220		258.379.725.833	193.090.387.657
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	152.146.877.546	147.094.927.422
- Nguyên giá	222		215.864.260.281	191.481.061.694
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63.717.382.735)	(44.386.134.272)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	9	9.888.834.306	13.190.872.208
- Nguyên giá	225		19.405.898.003	21.922.928.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(9.517.063.697)	(8.732.056.192)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	88.821.005.341	26.916.558.669
- Nguyên giá	228		88.828.974.777	26.919.494.777
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.969.436)	(2.936.108)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	7.523.008.640	5.888.029.358
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	2.000.000.000	20.400.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	20.400.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		2.000.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		11.355.540.870	17.288.258.271
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	9.158.602.148	15.029.049.927
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.273.213.722	673.383.344
3. Tài sản dài hạn khác	268		923.725.000	1.585.825.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			1.890.916.792.808	1.371.255.371.133

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.500.889.065.011	1.014.434.381.779
I. Nợ ngắn hạn	310		1.491.038.172.971	993.761.910.082
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	1.265.181.941.137	792.456.557.193
2. Phải trả người bán	312		121.779.296.432	129.778.323.204
3. Người mua trả tiền trước	313		64.555.988.811	860.483.880
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	7.217.884.527	14.414.852.432
5. Phải trả người lao động	315		16.178.756.313	15.188.562.469
6. Chi phí phải trả	316		5.329.900.187	2.449.295.661
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		6.746.670.730	38.613.835.243
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.047.734.834	-
II. Nợ dài hạn	330		9.850.892.040	20.672.471.697
1. Vay và nợ dài hạn	334	17	9.701.937.400	20.181.189.622
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		148.954.640	491.282.075
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		390.027.727.797	356.820.989.354
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	390.027.727.797	356.820.989.354
1. Vốn điều lệ	411		225.000.000.000	225.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		75.000.000.000	75.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		4.429.033.470	381.298.636
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		85.598.694.327	56.439.690.718
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.890.916.792.808	1.371.255.371.133



Luu Bách Thảo

Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 4 năm 2012

Ngô Văn Thu

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên

Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu gộp	01		1.872.858.162.416	1.593.944.373.146
2. Các khoản giảm trừ	02		(9.325.207.797)	(8.230.230.373)
3. Doanh thu thuần	10		1.863.532.954.619	1.585.714.142.773
4. Giá vốn hàng bán	11		(1.550.153.776.504)	(1.273.695.249.837)
5. Lợi nhuận gộp	20		313.379.178.115	312.018.892.936
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	80.289.992.558	48.019.305.006
7. Chi phí tài chính	22	21	(145.324.593.323)	(121.882.560.092)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(91.102.573.233)	(49.674.891.376)
8. Chi phí bán hàng	24		(135.445.280.229)	(114.482.855.708)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(49.398.534.322)	(33.855.800.521)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.500.762.799	89.816.981.621
11. Thu nhập khác	31		1.733.502.020	9.611.201.197
12. Chi phí khác	32		(205.388.044)	(9.656.280.362)
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40	22	1.528.113.976	(45.079.165)
14. Lợi nhuận trước thuế	50		65.028.876.775	89.771.902.456
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	(4.255.141.943)	(9.455.595.082)
16. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	14	599.830.378	673.383.344
17. Lợi nhuận sau thuế	60		61.373.565.210	80.989.690.718
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61	24	<u>2.527</u>	<u>3.532</u>



Lưu Bách Thảo

Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 4 năm 2012

Ngô Văn Thu

Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**Mẫu B 03-DN**

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	65.028.876.775	89.771.902.456
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	20.121.289.296	16.742.062.611
Các khoản dự phòng	03	24.091.371.577	(3.730.877.341)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(4.511.214.355)	(2.474.018.017)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(30.482.893.954)	(1.274.239.797)
Chi phí lãi vay	06	91.102.573.233	49.674.891.376
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	165.350.002.572	148.709.721.288
Tăng các khoản phải thu	09	(292.289.072.585)	(401.930.961.835)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(140.742.201.699)	21.837.401.692
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	28.755.020.902	(17.616.485.856)
Giảm chi phí trả trước	12	5.347.836.972	3.593.270.047
Tiền lãi vay đã trả	13	(91.102.573.233)	(47.793.555.715)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.196.369.767)	(1.248.811.330)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	662.100.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(338.215.256.838)	(294.449.421.709)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định	21	(85.159.600.510)	(25.541.304.342)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(945.000.000)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	18.778.000.000	55.740.000.000
4. Thu lãi tiền gửi	27	3.252.397.220	754.142.604
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(64.074.203.290)	30.952.838.262
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Vốn góp của các cổ đông	31	-	105.000.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn thuần	33	475.461.063.701	126.419.433.328
3. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(6.493.430.018)	(6.144.466.111)
4. Cổ tức trả cho các cổ đông	36	(22.500.000.000)	(7.435.040.861)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	446.467.633.683	217.839.926.356
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong năm	50	44.178.173.555	(45.656.657.091)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	25.881.431.297	72.074.382.267
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(633.719.847)	(536.293.879)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	69.425.885.005	25.881.431.297

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền là 251.026.962 đồng (năm 2010: 0 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Lưu Bạch Thảo

Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 4 năm 2012

Ngô Văn Thu

Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Việt An (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5203000060 ngày 27 tháng 1 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Việt An, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5002000307 ngày 22 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2010 với mã chứng khoán là AVF.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 2.298 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 2.385 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là chế biến các sản phẩm thủy sản với sản phẩm chính là cá tra fi lê.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 26.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng, phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	8 - 20
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị văn phòng	5
Phương tiện vận tải	10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao theo các quy định hiện hành. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và các chi phí có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán và Công ty không lập dự phòng đối với các chứng khoán chưa niêm yết mà không thể thu thập được giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã trả trước và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Tiền mặt	3.583.442.799	6.942.729.982
Tiền gửi ngân hàng	24.186.442.206	3.225.141.315
Các khoản tương đương tiền	41.656.000.000	15.713.560.000
	69.425.885.005	25.881.431.297

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đô la Mỹ có kỳ hạn dưới 3 tháng và lãi suất được hưởng là 0,5%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Chứng khoán niêm yết	11.727.000.000	11.160.000.000
Cho vay ngắn hạn	176.390.315.497	-
	188.117.315.497	11.160.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(8.517.000.000)	(8.340.000.000)
	179.600.315.497	2.820.000.000

Cho vay ngắn hạn thể hiện khoản tiền cho vay đối với Công ty Anpha-AG (trước đây là Công ty Con) theo Hợp đồng vay vốn số 01/2011/HĐVV-VA giữa Công ty và Công ty Anpha - AG vào ngày 3 tháng 1 năm 2011. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng, lãi suất được tính bình quân cho từng quý theo lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại và thanh toán vào cuối mỗi tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	3.283.650.719	1.163.010.218
Công cụ, dụng cụ	31.612.539.914	20.835.878.322
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	87.742.415.474	53.491.217.724
Thành phẩm	312.387.094.787	232.804.729.038
Hàng hóa	-	732.196.723
Hàng gửi đi bán	24.237.110.530	9.493.577.700
	<u>459.262.811.424</u>	<u>318.520.609.725</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(5.898.679.965)</u>	<u>-</u>
	<u>453.364.131.459</u>	<u>318.520.609.725</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 và 17, Công ty đã thế chấp toàn bộ hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	79.902.276.279	97.908.247.041	5.089.777.625	8.580.760.749	191.481.061.694
Tăng	-	6.171.849.220	198.061.091	424.457.000	6.794.367.311
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.591.420.849	500.131.847	-	1.841.157.274	13.932.709.970
Kết chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	3.656.121.306	-	-	3.656.121.306
Tại ngày 31/12/2011	<u>91.493.697.128</u>	<u>108.236.349.414</u>	<u>5.287.838.716</u>	<u>10.846.375.023</u>	<u>215.864.260.281</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	12.789.891.828	26.048.961.515	1.786.945.399	3.760.335.530	44.386.134.272
Khấu hao trong năm	5.840.683.565	9.698.843.494	302.750.209	1.941.481.617	17.783.758.885
Kết chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	1.547.489.578	-	-	1.547.489.578
Tại ngày 31/12/2011	<u>18.630.575.393</u>	<u>37.295.294.587</u>	<u>2.089.695.608</u>	<u>5.701.817.147</u>	<u>63.717.382.735</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	<u>72.863.121.735</u>	<u>70.941.054.827</u>	<u>3.198.143.108</u>	<u>5.144.557.876</u>	<u>152.146.877.546</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>67.112.384.451</u>	<u>71.859.285.526</u>	<u>3.302.832.226</u>	<u>4.820.425.219</u>	<u>147.094.927.422</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 và 17, Công ty đã thế chấp một phần lớn nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	20.776.697.124	1.146.231.276	21.922.928.400
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.139.090.909	-	1.139.090.909
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.656.121.306)	-	(3.656.121.306)
Tại ngày 31/12/2011	18.259.666.727	1.146.231.276	19.405.898.003
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	8.370.323.297	361.732.895	8.732.056.192
Khấu hao trong năm	2.093.698.913	238.798.170	2.332.497.083
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.547.489.578)	-	(1.547.489.578)
Tại ngày 31/12/2011	8.916.532.632	600.531.065	9.517.063.697
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	9.343.134.095	545.700.211	9.888.834.306
Tại ngày 31/12/2010	12.406.373.827	784.498.381	13.190.872.208

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VNĐ	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	15.100.000	26.904.394.777	26.919.494.777
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	61.909.480.000	61.909.480.000
Tại ngày 31/12/2011	15.100.000	88.813.874.777	88.828.974.777
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	2.936.108	-	2.936.108
Khấu hao trong năm	5.033.328	-	5.033.328
Tại ngày 31/12/2011	7.969.436	-	7.969.436
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	7.130.564	88.813.874.777	88.821.005.341
Tại ngày 31/12/2010	12.163.892	26.904.394.777	26.916.558.669

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất làm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	5.888.029.358	25.009.981.280
Tăng trong năm	78.616.260.161	18.096.223.540
Kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình	(13.932.709.970)	(28.469.272.173)
Kết chuyển vào tài sản cố định vô hình	(61.909.480.000)	(6.474.362.636)
Kết chuyển vào tài sản thuê tài chính	(1.139.090.909)	-
Kết chuyển vào chi phí trả trước ngắn hạn	-	(1.081.943.563)
Giảm khác	-	(1.192.597.090)
Tại ngày 31 tháng 12	7.523.008.640	5.888.029.358

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Đầu tư vào Công ty con	-	20.400.000.000
Đầu tư dài hạn khác	2.000.000.000	-
	2.000.000.000	20.400.000.000

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Anpha - AG. (gọi tắt là "Công ty con"), một công ty cổ phần ở tỉnh Long An với vốn góp là 20.400.000.000 đồng chiếm tỉ lệ 51% quyền sở hữu (tương ứng 2.040.000 cổ phần - mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) và tương ứng với quyền biểu quyết tại Công ty con. Theo Biên bản số 05/2011/BB-HĐQT-VA ngày 11 tháng 8 năm 2011, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc chuyển nhượng 1.840.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Do đó, Công ty chỉ còn nắm giữ 200.000 cổ phần (tương ứng 2.000.000.000 đồng) tại Công ty Cổ phần Anpha - AG. Theo đó, khoản đầu tư này được ghi nhận là khoản đầu tư dài hạn khác trên báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	15.029.049.927	15.549.113.255
Tăng	2.202.429.252	9.104.608.971
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	682.098.702
Phân bổ vào chi phí trong năm	(8.072.877.031)	(10.306.771.001)
Tại ngày 31 tháng 12	9.158.602.148	15.029.049.927

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm và năm trước.

	Các khoản dự phòng VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 1/1/2010	-	-	-
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	-	673.383.344	673.383.344
Tại ngày 31/12/2010	-	673.383.344	673.383.344
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	589.867.997	9.962.381	599.830.378
Tại ngày 31/12/2011	589.867.996	683.345.725	1.273.213.722

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Vay ngắn hạn	1.250.467.172.715	775.524.576.754
Vay dài hạn đến hạn trả	10.592.954.000	10.594.800.421
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	4.121.814.422	6.337.180.018
	1.265.181.941.137	792.456.557.193

Chi tiết số dư theo tính chất của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Vay ngắn hạn	785.959.113.292	562.410.924.000
Vay chiết khấu	464.508.059.423	213.113.652.754
	1.250.467.172.715	775.524.576.754

Các khoản vay ngắn hạn thể hiện các khoản tín dụng ngắn hạn bằng Đồng Việt Nam, Đô la Mỹ và Đô la Hồng Kông từ các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất vay được các ngân hàng công bố theo từng thời kỳ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu hồi nợ của các bộ chứng từ xuất khẩu, tài sản cố định, quyền sử dụng đất của Công ty và các tài sản cá nhân của ông Lưu Bách Thảo - Chủ tịch của Công ty.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.255.141.943	14.196.369.767
Các loại thuế khác	2.962.742.584	218.482.665
	7.217.884.527	14.414.852.432

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Vay dài hạn	19.748.016.400	26.888.550.621
Nợ thuê tài chính dài hạn	4.668.689.422	10.224.619.440
	24.416.705.822	37.113.170.061
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(10.592.954.000)	(10.594.800.421)
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	(4.121.814.422)	(6.337.180.018)
	9.701.937.400	20.181.189.622

Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng nhằm tài trợ cho việc xây dựng nhà xưởng và mua máy móc thiết bị. Các khoản vay bao gồm như sau:

Vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (gọi tắt là "Vietcombank") gồm hai khoản vay có tổng hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng và 34.000.000.000 đồng. Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng từ 0,95% đến 1% và được đảm bảo bằng chính nhà xưởng và máy móc hình thành từ các khoản vay này. Các khoản vay này được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ tháng 6 năm 2005 đến tháng 6 năm 2011 cho khoản vay có hạn mức là 15.000.000.000 đồng và từ tháng 3 năm 2011 đến tháng 6 năm 2014 cho khoản vay còn lại.

Vay dài hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (gọi tắt là "Agribank") có hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng cho việc mua xe tải đông lạnh vận chuyển hàng hóa. Khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng 1,5% và được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ khoản vay này. Khoản vay này được hoàn trả 6 tháng một lần bắt đầu từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 5 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thanh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	10.592.954.000	10.594.800.421
Trong năm thứ hai	8.755.062.400	13.192.954.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	400.000.000	3.100.796.200
	19.748.016.400	26.888.550.621
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	(10.592.954.000)	(10.594.800.421)
Số phải trả sau 12 tháng	9.155.062.400	16.293.750.200

Công ty cũng đã ký hợp đồng thuê tài chính dài hạn với Công ty cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam để thuê một số phương tiện vận tải. Thời hạn thuê của các hợp đồng thông thường là sáu mươi (60) tháng. Các khoản thuê này chịu lãi suất lãi tiền vay một tháng bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 0,37%. Tiền nợ được thanh toán cố định và không có thỏa thuận nào cho các chi phí thuê tiềm tàng khác. Các khoản nợ thuê tài chính bằng Đồng Việt Nam. Tài sản thuê tài chính được Công ty dùng để đảm bảo cho khoản nợ vay.

Các khoản nợ dài hạn khác được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Giá trị tối thiểu của các khoản tiền thuê		Giá trị tối thiểu của các khoản tiền thuê hiện tại	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Các khoản phải trả do thuê tài chính:				
Trong vòng một năm	4.472.478.960	6.896.841.278	4.121.814.422	6.337.180.018
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	633.767.045	4.282.928.493	546.875.000	3.887.439.422
	5.106.246.006	11.179.769.771	4.668.689.422	10.224.619.440
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(437.556.599)	(955.150.345)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	4.668.689.407	10.224.619.426	4.668.689.422	10.224.619.440
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trong phần nợ ngắn hạn)			(4.121.814.422)	(6.337.180.018)
Số phải trả sau 12 tháng			546.875.000	3.887.439.422

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết về mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Công ty như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
Số lượng cổ phần được phép phát hành	22.500.000	22.500.000
Số cổ phần đã phát hành và góp vốn đầy đủ	22.500.000	22.500.000
Mệnh giá cổ phiếu (VNĐ)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Vốn điều lệ thực tế do các cổ đông có tỷ lệ góp vốn lớn hơn 5% tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Số lượng cổ phiếu và tỉ lệ nắm giữ tại ngày 31/12/2010 và ngày 31/12/2011		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2010 và ngày 31/12/2011
	Cổ phiếu	%	VND
Ông Lưu Bách Thảo	3.000.000	13,33	30.000.000.000
Ông Daniel Yet	2.400.000	10,67	24.000.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.879.970	8,36	18.799.700.000
	7.279.970	32,36	72.799.700.000

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1/1/2010	100.000.000.000	12.500.038.413	381.298.636	65.385.002.448	178.266.339.497
Vốn góp từ cổ tức và thặng dư vốn cổ phần	95.000.000.000	(12.500.038.413)	-	(82.499.961.587)	-
Vốn góp bằng tiền	30.000.000.000	75.000.000.000	-	-	105.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	80.989.690.718	80.989.690.718
Cổ tức đã chia	-	-	-	(7.435.040.861)	(7.435.040.861)
Số dư tại ngày 31/12/2010	225.000.000.000	75.000.000.000	381.298.636	56.439.690.718	356.820.989.354
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	61.373.565.210	61.373.565.210
Chia cổ tức	-	-	-	(22.500.000.000)	(22.500.000.000)
Phân phối quỹ trong năm	-	-	4.047.734.834	(9.714.561.601)	(5.666.826.767)
Số dư tại ngày 31/12/2011	225.000.000.000	75.000.000.000	4.429.033.470	85.598.694.327	390.027.727.797

Căn cứ Nghị quyết số 05/2011/ĐHĐCĐ-VA ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông, cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối lợi nhuận năm 2010 như sau:

- Trích quỹ bổ sung vốn điều lệ là 4.047.734.833 đồng tương ứng 5% lợi nhuận sau thuế
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 4.047.734.833 đồng tương ứng 5% lợi nhuận sau thuế
- Thương Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 809.546.967 đồng tương ứng với 1% lợi nhuận sau thuế
- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 809.546.967 đồng tương ứng với 1% lợi nhuận sau thuế
- Chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 22.500.000.000 đồng tương ứng với 10% vốn điều lệ.

Trong năm, Công ty đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận nêu trên.

Cũng theo Nghị quyết trên, cổ đông Công ty đã phê duyệt kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2011 thêm 75.000.000.000 đồng từ khoản thặng dư vốn cổ phần bằng việc phát hành thêm 7.500.000 cổ phần phổ thông mệnh giá 10.000/1 cổ phần theo tỷ lệ là 3:1 cho các cổ đông hiện hữu. Tại ngày phát hành báo cáo này, việc tăng vốn chưa được thực hiện.

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011 VND	2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.347.797.891.454	1.141.135.353.454
Chi phí nhân công	115.375.955.374	89.151.622.411
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.393.047.350	15.849.195.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	176.678.732.252	153.771.491.165
Chi phí khác	112.493.734.458	22.126.243.170
	1.770.739.360.888	1.422.033.906.066

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lãi tiền gửi	30.482.893.954	1.274.239.797
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.295.884.249	32.210.390.192
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.511.214.355	2.474.018.017
Khác	-	12.060.657.000
	80.289.992.558	48.019.305.006

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lãi tiền vay	91.102.573.233	49.674.891.376
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	54.045.020.090	70.227.668.716
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	177.000.000	1.980.000.000
	145.324.593.323	121.882.560.092

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	40.753.800
Bán bao bì và dụng cụ	-	8.822.899.747
Khác	1.733.502.020	747.547.650
Thu nhập khác	1.733.502.020	9.611.201.197
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	(40.753.800)
Giá vốn bao bì và dụng cụ	-	(8.784.553.485)
Các khoản chi phí khác	(205.388.044)	(830.973.077)
Chi phí khác	(205.388.044)	(9.656.280.362)
Lợi nhuận/(lỗ) khác	1.528.113.976	(45.079.165)

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	65.028.876.775	89.771.902.456
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(2.087.405.245)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.514.558.499	7.082.711.355
Thu nhập chịu thuế	67.543.435.274	94.767.208.566
Trong đó: Thu nhập chịu thuế của hoạt động chính	65.681.557.483	86.070.557.106
Thu nhập chịu thuế của hoạt động khác	1.861.877.791	8.696.651.460
Thuế suất áp dụng cho hoạt động chính	10%	10%
Thuế suất áp dụng cho hoạt động khác	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.033.625.196	10.781.218.576
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm hàng năm	(954.850.992)	(1.325.623.494)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 154	(1.823.632.261)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.255.141.943	9.455.595.082

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế cho 10 năm đầu tiên kể từ ngày đăng ký kinh doanh và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2006 và 2007 là hai năm được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp) và được giảm 50% cho 5 năm tiếp theo (bắt đầu từ năm 2008).

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
 Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Vào ngày 11 tháng 11 năm 2011, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 154/2011/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 4 tháng 11 năm 2011 quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 08/2011/QH13 của Quốc hội về việc áp dụng giảm thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2011.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận sau thuế	61.373.565.210	80.989.690.718
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(4.511.214.355)	(2.474.018.017)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	56.862.350.855	78.515.672.701
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	22.500.000	22.228.767
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.527	3.532

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	46.801.584	46.801.584
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	140.404.752	140.404.752
Sau năm năm	1.928.875.283	1.973.466.792
	2.116.081.619	2.160.673.128

Thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang trong 50 năm tính từ tháng 3 năm 2005. Công ty được miễn tiền thuê đất trong 6 năm kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2005.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 17, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.425.885.005	25.881.431.297
Phải thu khách hàng	644.043.222.377	548.428.983.364
Phải thu khác	70.413.893.584	157.767.456.128
Khoản ký quỹ ngắn hạn	115.892.799	115.892.799
Đầu tư ngắn hạn	179.600.315.497	2.820.000.000
Khoản đầu tư dài hạn	2.000.000.000	-
Khoản ký quỹ dài hạn	923.725.000	1.585.825.000
Tổng cộng	966.522.934.262	736.599.588.588

Công nợ tài chính

Vay ngắn hạn	1.265.181.941.137	792.456.557.193
Phải trả người bán	121.779.296.432	129.778.323.204
Chi phí phải trả	5.329.900.187	2.449.295.661
Phải trả ngắn hạn khác	6.746.670.730	38.613.835.243
Vay và nợ dài hạn	9.701.937.400	20.181.189.622
Tổng cộng	1.408.739.745.886	983.479.200.923

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Đô la Mỹ (USD)	527.918.172.536	302.129.243.889	1.030.436.129.408	312.624.576.805
Đồng Euro (EUR)	811.224.259	26.493.475	-	-
Đô la Hồng Kông (HKD)	-	-	10.506.542.400	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo**Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Tuy nhiên, Công ty đánh giá rủi ro này ở mức thấp vì Công ty không có các khoản đầu tư vào công cụ vốn trọng yếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại ngày 31/12/2011	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Vay ngắn hạn	1.250.467.172.715	-	1.250.467.172.715
Phải trả người bán	121.779.296.432	-	121.779.296.432
Chi phí phải trả	5.329.900.187	-	5.329.900.187
Phải trả ngắn hạn khác	6.746.670.730	-	6.746.670.730
Vay và nợ dài hạn	14.714.768.422	9.701.937.400	24.416.705.822
Tại ngày 31/12/2010	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Vay ngắn hạn	775.524.576.754	-	775.524.576.754
Phải trả người bán	129.778.323.204	-	129.778.323.204
Chi phí phải trả	2.449.295.661	-	2.449.295.661
Phải trả ngắn hạn khác	38.613.835.243	-	38.613.835.243
Vay và nợ dài hạn	16.931.980.439	20.181.189.622	37.113.170.061

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT AN

Quốc lộ 91, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên
Tỉnh An Giang, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại ngày 31/12/2011	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.425.885.005	-	69.425.885.005
Phải thu khách hàng	644.043.222.377	-	644.043.222.377
Phải thu khác	70.413.893.584	-	70.413.893.584
Khoản ký quỹ ngắn hạn	115.892.799	-	115.892.799
Đầu tư ngắn hạn	179.600.315.497	-	179.600.315.497
Đầu tư dài hạn	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Khoản ký quỹ dài hạn	-	923.725.000	923.725.000
Tại ngày 31/12/2010	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.881.431.297	-	25.881.431.297
Phải thu khách hàng	548.428.983.364	-	548.428.983.364
Phải thu khác	157.767.456.128	-	157.767.456.128
Khoản ký quỹ ngắn hạn	115.892.799	-	115.892.799
Đầu tư ngắn hạn	2.820.000.000	-	2.820.000.000
Khoản ký quỹ dài hạn	-	1.585.825.000	1.585.825.000

27. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với Công ty con như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Các nghiệp vụ khác		
Thoái vốn khỏi Công ty con	18.400.000.000	15.600.000.00
Tạm ứng cho Công ty con	-	78.591.208.921
Rút vốn từ Công ty liên kết	-	39.340.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		



Lương và thưởng
Lưu Bách Thảo
Tổng Giám đốc
Ngày 6 tháng 4 năm 2012

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
	1.115.302.470	1.113.982.829

Ngô Văn Thu
Kế toán trưởng

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

www.deloitte.com/vn

© 2011 Deloitte Việt Nam

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 11, Phòng 1101, Trung tâm Thương mại Sài Gòn
37 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750